

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 47/NQ-HĐND

Tiền Giang, ngày 10 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Danh mục công trình, dự án thực hiện năm 2023
có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10 ha,
đất rừng phòng hộ dưới 20 ha trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 7**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật
đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật
đất đai;*

*Xét Tờ trình số 346/TTr-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc thông qua Danh mục công trình, dự án thực
hiện năm 2023 có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới
10 ha, đất rừng phòng hộ dưới 20 ha và Công văn số 6642/UBND-KT ngày 05
tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về giải trình ý kiến thẩm tra của
Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 93/BC-
HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân
dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Thông qua Danh mục công trình, dự án có sử dụng đất phải
chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10 ha, đất rừng phòng hộ dưới
20 ha thực hiện năm 2023 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, như sau:**

Tổng số công trình, dự án thực hiện năm 2023 có sử dụng đất phải chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh là 150 công trình, dự án với tổng diện tích công trình, dự án 1.163,22 ha; trong đó:

- Diện tích sử dụng đất trồng lúa: 296,77 ha.
- Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ: 2,79 ha.

(Đính kèm Danh mục)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang Khoá X, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UB.Thường vụ Quốc hội;
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ;
- HĐDT và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: TN&MT, Kế hoạch và Đầu tư;
- Vụ Công tác đại biểu (VPQH);
- Cục Hành chính - Quản trị II (VPCP);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Các đ/c UVBTV Tỉnh uỷ;
- UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- ĐB. Quốc hội đơn vị tỉnh Tiền Giang;
- ĐB. HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- TT. HĐND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Võ Văn Bình

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN NĂM 2023 CÓ SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA DƯỚI 10 HA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ DƯỚI 20 HA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TIỀN GIANG

(Kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến thực hiện (ha)	Trong đó		Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ			
A. NHÓM CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TỈNH, TW PHÂN BỐ			136,12	38,35	2,06	537.667,88		
I. Thành phố Mỹ Tho (Có 02 công trình, dự án)			7,51	2,90		80,00		
1	Khu tái định cư Cầu Rạch Miễu 2	Xã Phước Thạnh	5,20	0,82			Ngân sách tỉnh	Chuyển tiếp
2	Đại đội trình sát	Xã Mỹ Phong	2,31	2,08		80,00	Ngân sách tỉnh	Chuyển tiếp
II. Thị xã Gò Công (Có 02 công trình, dự án)			0,30	0,30		28,14		
1	Chợ Bình Xuân	Xã Bình Xuân	0,25	0,25		13,39	Ngân sách tỉnh	Chuyển tiếp
2	Mở rộng Trường Mẫu giáo Bình Xuân	Xã Bình Xuân	0,05	0,05		14,75	Ngân sách tỉnh	Mới
III. Thị xã Cai Lậy (Có 02 công trình, dự án)			32,32	11,24		164,42		
1	Đường gom dân sinh thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	Các xã: Tân Hội, Tân Bình, Phường Nhị Mỹ, Phường 2	7,20	3,70		72,00	Vốn TW và ngân sách tỉnh	Chuyển tiếp
2	Đường Lộ Dây Thép (ĐT880B)	Xã Tân Hội	25,12	7,54		92,42	Ngân sách tỉnh	Chuyển tiếp
IV. Huyện Châu Thành (Có 05 công trình, dự án)			20,86	6,35		560,20		Chuyển tiếp
1	Đê bờ Tây kênh Nguyễn Tấn Thành	Các xã: Long Hưng, Đông Hòa	8,30	1,70		114,00	Ngân sách tỉnh	Chuyển tiếp
2	Trường Tiểu học Vĩnh Kim	Xã Vĩnh Kim	1,50	0,30		142,00	Ngân sách tỉnh	Chuyển tiếp
3	Chợ Long Hưng	Xã Long Hưng	0,35	0,35		10,00	Ngân sách tỉnh	Chuyển tiếp
4	Đường phát triển vùng Đồng Tháp Mười (giai đoạn I)	Xã Tân Lý Đông	1,00	1,00		100,00	Ngân sách tỉnh	Chuyển tiếp
5	Tiểu dự án GPMB giai đoạn 2 - Trường Đại học Tiền Giang	Xã Tân Cừ Nghĩa	9,71	3,00		194,20	Ngân sách tỉnh	Mới
V. Huyện Tân Phước								
VI. Huyện Cai Lậy (Có 01 công trình, dự án)			0,94	0,34		7,78		
1	Đường Kênh Đại Thắng, xã Phú Nhuận	Xã Phú Nhuận	0,94	0,34		7,78	Ngân sách tỉnh	Mới
VII. Huyện Cái Bè (Có 02 công trình, dự án)			2,22	0,22		491.775,00		



STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến thực hiện (ha)	Trong đó		Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ			
1	Dự án Nâng cấp, mở rộng các Đường tỉnh 861, 863, 869 (kết nối tỉnh Tiền Giang và tỉnh Đồng Tháp)	Các xã: Mỹ Lợi A, Mỹ Lợi B, Hòa Khánh, Thiện Trung	0,60	0,06		249.269,00	Ngân sách TW và ngân sách tỉnh	Mới
2	Dự án Cầu Tân Phong	Xã Đông Hòa Hiệp	1,62	0,16		242.506,00	Ngân sách tỉnh	Mới
VIII. Huyện Chợ Gạo (Có 05 công trình, dự án)			38,38	3,59		3.828,00		
1	Đường tỉnh 864 (Đường dọc sông Tiền)	Các xã: Xuân Đông, Hòa Tịnh, Bình Ninh	18,37	2,00		3.263,00	Ngân sách TW và ngân sách địa phương	Chuyển tiếp
2	Khu hành chính huyện Chợ Gạo (Trụ sở làm việc UBND huyện, các phòng chức năng và hội trường)	Xã Long Bình Điền	12,10	0,30		100,00	Ngân sách tỉnh, huyện	Chuyển tiếp
3	Khu tái định cư, chợ, nhà văn hóa xã Bình Phục Nhứt	Xã Bình Phục Nhứt	3,60	0,50		50,00	Vốn TW	Chuyển tiếp
4	Đường tỉnh 877C và cầu qua kênh Chợ Gạo (đoạn từ Đường tỉnh 879D đến Đường tỉnh 877)	Các xã: Bình Phục Nhứt, Quơn Long	3,60	0,72		375,00	Ngân sách TW và ngân sách địa phương	Chuyển tiếp
5	Đường tỉnh 879C	Xã Long Bình Điền	0,71	0,07		40,00	Ngân sách tỉnh	Chuyển tiếp
IX. Huyện Gò Công Tây (Có 01 công trình, dự án)			11,19	2,00				Chuyển tiếp
1	Đường tỉnh 864 (Đường dọc sông Tiền)	Các xã: Long Bình, Bình Tân	11,19	2,00			Ngân sách tỉnh	Chuyển tiếp
X. Huyện Gò Công Đông (Có 15 công trình, dự án)			22,12	11,38	2,06	41.083,65		
1	Mở rộng Trường Mẫu Giáo xã Kiểng Phước	Xã Kiểng Phước	0,80	0,80		5,00	Ngân sách tỉnh	Mới
2	Mở rộng Trường Mầm non Bình Ân	Xã Bình Ân	0,10	0,10		8,00	Ngân sách tỉnh	Mới
3	Mở rộng Trường Mầm non Tân Phước	Xã Tân Phước	0,31	0,31		12,00	Ngân sách tỉnh	Mới
4	Mở rộng Trường Mầm non Bình Nghị	Xã Bình Nghị	0,07	0,07		22,00	Ngân sách tỉnh	Mới
5	Mở rộng Trường Mầm non Tân Thành	Xã Tân Thành	0,50	0,02		30,00	Ngân sách tỉnh	Mới
6	Mở rộng Trường Tiểu học Tân Điền	Xã Tân Điền	0,20	0,20		21,00	Ngân sách tỉnh	Mới
7	Đường Thủ Khoa Huân nối dài	Xã Tăng Hòa	3,20	3,00		40.660,00	Ngân sách tỉnh	Chuyển tiếp
8	Đường giao thông phụ vụ phát triển công nghiệp phía Đông	Các xã: Kiểng Phước, Gia Thuận, thị trấn Vàm Láng	8,60		2,02	193,00	Ngân sách tỉnh	Mới
9	Khu dân cư ấp Đền Đò	Xã Tân Thành	5,31	5,31		65,00	Ngân sách tỉnh	Chuyển tiếp
10	Mở rộng trạm y tế Kiểng Phước	Xã Kiểng Phước	0,17	0,10		6,25	Ngân sách tỉnh	Chuyển tiếp
11	Trụ sở Công an xã Tân Tây	Xã Tân Tây	0,23	0,17		6,60	Ngân sách tỉnh	Chuyển tiếp
12	Đường huyện 02 nối dài + cầu (đoạn ĐH 01 đến ĐH 10)	Xã Tân Phước	0,39	0,10		16,50	Ngân sách tỉnh	Mới

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến thực hiện (ha)	Trong đó		Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ			
13	Nâng cấp Đường huyện 06 (đường + cầu + HTTN)	Xã Gia Thuận	0,98	0,40		14,30	Ngân sách tỉnh	Mới
14	Đường huyện 05B nối dài (đoạn từ ĐT 862 đến ĐH 08)	Xã Tăng Hòa	1,17	0,80		14,00	Ngân sách tỉnh	Mới
15	Bến cập tàu Hải đội 2	Thị trấn Vàm Láng	0,09		0,04	10,00	Ngân sách Trung ương và địa phương	Mới
XI. Huyện Tân Phú Đông (Có 01 công trình, dự án)			0,28	0,03		140,69		
1	Cầu Tân Thạnh, huyện Tân Phú Đông	Các xã: Tân Phú, Tân Thạnh	0,28	0,03		140,69	Ngân sách tỉnh	Mới
36	Tổng số		136,12	38,35	2,06	537.667,88		
B. NHÓM CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN			51,07	34,08		228,50		
I. Thành phố Mỹ Tho								
II. Thị xã Gò Công								
III. Thị xã Cai Lậy (Có 05 công trình, dự án)			6,02	5,72		72,50		
1	Trụ sở công an xã Mỹ Hạnh Đông	Xã Mỹ Hạnh Đông	0,20	0,20		1,00	Ngân sách thị xã	Chuyển tiếp
2	Trụ sở công an xã Tân Phú	Xã Tân Phú	0,22	0,22		1,00	Ngân sách thị xã	Chuyển tiếp
3	Trường TH và THCS Mỹ Hạnh Trung	Xã Mỹ Hạnh Trung	0,30	0,30		1,50	Ngân sách thị xã	Mới
4	Trường TH và THCS Ấp Bắc	Xã Tân Phú	0,40	0,40		2,00	Ngân sách thị xã	Mới
5	Đường Bà Thừa	Xã Tân Bình	4,90	4,60		67,00	Ngân sách thị xã	Mới
IV. Huyện Châu Thành								
V. Huyện Tân Phước								
VI. Huyện Cai Lậy (Có 05 công trình, dự án)			13,03	6,13		44,00		
1	Trụ sở UBND Thị trấn Bình Phú	Thị trấn Bình Phú	8,00	1,20		24,00	Ngân sách huyện	Chuyển tiếp
2	Trường Tiểu học Mỹ Thành Nam	Xã Mỹ Thành Nam	1,90	1,80		6,70	Ngân sách huyện	Chuyển tiếp
3	Trường Mầm non Bình Phú	Thị trấn Bình Phú	1,50	1,50		4,50	Ngân sách huyện	Chuyển tiếp
4	Trường Tiểu học Bình Phú	Thị trấn Bình Phú	1,40	1,40		7,20	Ngân sách huyện	Chuyển tiếp
5	Trụ sở Công an xã Mỹ Thành Bắc	Xã Mỹ Thành Bắc	0,23	0,23		1,60	Ngân sách huyện	Chuyển tiếp
VII. Huyện Cái Bè (Có 01 công trình, dự án)			0,30	0,10		3,00		
1	Công viên Hậu Mỹ Bắc A (Khu vui chơi giải trí)	Xã Hậu Mỹ Bắc A	0,30	0,10		3,00	Ngân sách huyện	Mới
VIII. Huyện Chợ Gạo								
IX. Huyện Gò Công Tây (Có 09 công trình, dự án)			11,77	8,31		44,22		



STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến thực hiện (ha)	Trong đó		Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ			
1	Đường Bắc Kênh An Thạnh Thủy (giai đoạn 2)	Thị trấn Vĩnh Bình	0,40	0,22			Ngân sách huyện	Chuyển tiếp
2	Đường Bắc Kênh An Thạnh Thủy (giai đoạn 3)	Thị trấn Vĩnh Bình	0,70	0,39			Ngân sách huyện	Mới
3	Đường tránh giai đoạn 2 (Kết nối ĐT Vĩnh Bình - ĐT Long Bình)	Thị trấn Vĩnh Bình	3,56	1,14			Ngân sách huyện	Mới
4	Đường huyện 12	Xã Thạnh Nhựt	0,76	0,26			Ngân sách huyện	Mới
5	Đường huyện 19B	Xã Bình Tân	0,05	0,03		13,20	Ngân sách huyện	Mới
6	Đường ranh Thạnh Nhựt - Thị trấn Vĩnh Bình	Thị trấn Vĩnh Bình	0,10	0,07			Ngân sách huyện	Chuyển tiếp
7	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Tốt	Xã Vĩnh Hựu	1,00	1,00		21,00	Ngân sách huyện	Mới
8	Mở rộng Nghĩa trang nhân dân xã Long Bình	Xã Long Bình	5,08	5,08		8,02	Ngân sách huyện	Chuyển tiếp
9	Nhà văn hóa ấp Bình Cách	Xã Yên Luông	0,12	0,12		2,00	Ngân sách huyện	Mới
X. Huyện Gò Công Đông (Có 28 công trình, dự án)			19,95	13,82		64,78		
1	Đường Nguyễn Văn Sáng	Xã Phước Trung	0,40	0,32		1,00	Ngân sách huyện	Mới
2	Đường thanh niên xung phong	Xã Phước Trung	0,10	0,08		0,50	Ngân sách xã	Mới
3	Đường Miếu Bạch Mã	Xã Phước Trung	0,10	0,08		0,50	Ngân sách xã	Mới
4	Đường cấp kênh số 5, ấp 6	Xã Tân Tây	0,10	0,03		2,10	Ngân sách huyện	Mới
5	Đường Đặng Văn Mẹo	Xã Bình Nghị	0,35	0,30		1,20	Ngân sách huyện	Mới
6	Đường Cầu Xây - Xóm Chủ - Xóm Tụ	Xã Kiểng Phước	0,08	0,05		2,00	Ngân sách huyện	Mới
7	Đường Lò Gạch - Hiệp Trị	Thị trấn Tân Hòa	0,04	0,02		2,00	Ngân sách huyện	Mới
8	Hém 4B (nhà máy)	Thị trấn Tân Hòa	0,05	0,03		1,00	Ngân sách huyện	Mới
9	Đường Đông kênh Năm lộ - nghĩa địa	Xã Tân Đông	0,66	0,03		3,00	Ngân sách huyện	Mới
10	Đường kênh Địa Su (Kênh 1) (đoạn 2)	Xã Tân Thành	0,20	0,18		0,37	Ngân sách xã	Mới
11	Đường kênh Cụt	Xã Tân Điền	8,60	6,90		3,90	Ngân sách huyện	Mới
12	Đường dẫn nước nối từ kênh ba đến kênh Tám Vinh	Xã Tân Điền	0,31	0,31		0,78	Ngân sách huyện	Mới
13	Đường Ruộng Cạn - Chị Bon	Xã Bình Nghị	0,30	0,05		0,92	Ngân sách huyện	Mới
14	Đường tổ 5 ấp Ruộng Cạn	Xã Bình Nghị	0,16	0,13		0,03	Ngân sách huyện	Mới
15	Đường Kinh Ngang trên xã Tân Thành	Xã Tân Thành	0,40	0,30		1,10	Ngân sách huyện	Mới

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến thực hiện (ha)	Trong đó		Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ			
16	Đường Vô Miếu Kinh Giữa (ĐH 07 từ kênh cầu đá kéo dài)	Xã Tân Thành	0,60	0,60		8,65	Ngân sách huyện	Mới
17	Đường Công Điền ấp 7 - xã Tân Tây	Xã Tân Tây	0,60	0,04		2,00	Ngân sách huyện	Mới
18	Đường Nam Kênh Cặp Đê - xã Kiểng Phước	Xã Kiểng Phước	0,70	0,40		3,64	Ngân sách huyện	Mới
19	Đường kênh Cụt ấp Bắc 1 - Bắc 2 xã Tân Điền	Xã Tân Điền	0,90	0,50		2,50	Ngân sách huyện	Mới
20	Đường ấp văn hóa ấp 4 (Tân Phú) - xã Tân Tây	Xã Tân Tây	0,60	0,50		1,59	Ngân sách huyện	Mới
21	Đường 6 Trong - xã Tăng Hòa	Xã Tăng Hòa	0,10	0,10		2,00	Ngân sách huyện	Mới
22	Đường liên ấp 4,5,6 - xã Gia Thuận	Xã Gia Thuận	0,45	0,35		11,60	Ngân sách huyện	Mới
23	Đường Bờ Rối xã Tân Điền (đoạn từ Kênh 1 đến kênh Udu)	Xã Tân Điền	0,25	0,25		1,30	Ngân sách huyện	Mới
24	Đường cặp kênh 5 Lộ - nghĩa địa xã Tân Đông	Xã Tân Đông	0,43	0,03		1,20	Ngân sách huyện	Mới
25	Đường Chùa Đất Đò 4	Xã Tân Đông	0,09	0,04		1,00	Ngân sách huyện (phân bổ cho xã)	Mới
26	Đường Tây kênh Bờ Bao - xã Kiểng Phước	Xã Kiểng Phước	1,68	1,00		3,95	Ngân sách huyện	Mới
27	Đường Đông kênh Gò Me 1 - xã Bình Ân	Xã Bình Ân	1,10	0,80		2,70	Ngân sách huyện	Mới
28	Đường giáp ranh Tân Điền - Kiểng Phước (đoạn từ kênh 1 đến kênh Láng)	Xã Tân Điền	0,60	0,40		2,25	Ngân sách huyện	Mới
XI. Huyện Tân Phú Đông								
48	Tổng số		51,07	34,08		228,50		
C. NHÓM CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN DOANH NGHIỆP, ĐẦU TƯ QUA NGÀNH, MỜI GỌI ĐẦU TƯ			976,03	224,34	0,73	30.027,75		
I. Thành phố Mỹ Tho (Có 08 công trình, dự án)			326,25	29,95		6.681,81		
1	Khu đô thị Mỹ Hưng, thành phố Mỹ Tho	Xã Mỹ Phong	37,56	9,40		3.302,00	Mời gọi đầu tư	Mới
2	Khu đô thị mới phía Tây Bắc, thành phố Mỹ Tho	Xã Đạo Thạnh	52,80	7,60		1.500,00	Mời gọi đầu tư	Mới
3	Đường Nguyễn Công Bình và Khu dân cư hai bên đường (đoạn từ đường Phạm Hùng đến ĐT.870)	Các xã: Trung An, Phước Thạnh	19,96	3,14		1.156,00	Mời gọi đầu tư	Chuyển tiếp
4	Dự án Khu dân cư Kinh đô Hùng Vương	Xã Trung An	9,68	1,00		608,81	Mời gọi đầu tư	Mới



STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến thực hiện (ha)	Trong đó		Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ			
5	Đường dây 110kV 2 mạch trạm 220kV Cần Đức - Cần Đức 110kV - Gò Công - TBA 220kV Mỹ Tho	Các xã: Tân Mỹ Chánh, Mỹ Phong, Đạo Thạnh, Phước Thạnh, Trung An, Phường 10	0,96	0,40			Vốn ngành điện	Chuyển tiếp
6	Trạm 110kV Tân Mỹ Chánh và đường dây đấu nối	Xã Tân Mỹ Chánh	0,65	0,41		75,00	Vốn ngành điện	Chuyển tiếp
7	Hoa viên Nghĩa trang thành phố Mỹ Tho	Xã Mỹ Phong	12,00	6,05		40,00	Vốn doanh nghiệp	Chuyển tiếp
8	Khu đô thị Đông Bắc, thành phố Mỹ Tho	Xã Đạo Thạnh	192,64	1,95			Mời gọi đầu tư	Chuyển tiếp
II. Thị xã Gò Công (Có 19 công trình, dự án)			189,50	88,14		13.262,90		
1	Khu tái định cư Bình Đông	Xã Bình Đông	10,30	6,04		350,00		Mới
2	Công viên nghĩa trang nhân dân thị xã Gò Công	Xã Tân Trung	12,03	8,00			Mời gọi đầu tư	Mới
3	Khu đô thị Trần Công Tường	Phường 4, xã Long Chánh	26,80	8,50		1.800,00	Mời gọi đầu tư	Mới
4	Khu dân cư Bình Đông	Xã Bình Đông	16,47	9,66		1.786,00	Mời gọi đầu tư	Mới
5	Khu đô thị Phường 5	Phường 5	20,06	2,68		1.210,00	Mời gọi đầu tư	Mới
6	Trạm 110 kV Soài Rạp và đường dây đấu nối	Các xã: Tân Trung, Bình Xuân	0,78	0,66		200,00	Vốn ngành điện	Chuyển tiếp
7	Lộ ra 110 kV Trạm 220 kV Gò Công	Các xã: Long Chánh, Bình Xuân	0,5	0,37		65,00	Vốn doanh nghiệp	Chuyển tiếp
8	Đường và khu dân cư hai bên đường Kênh Bến Xe	Phường 3, xã Long Hưng	14,14	5,64		560,00	Mời gọi đầu tư	Chuyển tiếp
9	Đường và khu dân cư hai bên đường Vành đai phía đông - đoạn 1	Xã Long Hưng	10,88	7,26		440,00	Mời gọi đầu tư	Chuyển tiếp
10	Đường và khu dân cư hai bên đường Vành đai phía đông - đoạn 2	Xã Long Thuận	9,1	7,95		1.771,70	Mời gọi đầu tư	Chuyển tiếp
11	Đường Trương Định nối dài và khu dân cư hai bên đường giai đoạn 4	Xã Long Hòa	15,10	9,06		300,00	Mời gọi đầu tư	Mới
12	Khu dân cư thương mại Long Thuận 1	Xã Long Thuận	9,81	3,53		1.000,00	Mời gọi đầu tư	Chuyển tiếp
13	Khu dân cư thương mại Long Thuận 2	Xã Long Thuận	9,83	3,68		1.000,00	Mời gọi đầu tư	Chuyển tiếp
14	Khu dân cư thương mại Tân Hưng Thịnh	Xã Tân Trung	3,20	3,19		50,00	Vốn doanh nghiệp	Chuyển tiếp
15	Khu dân cư làng nghề Tân Trung	Xã Tân Trung	1,21	1,03		22,20	Vốn doanh nghiệp	Chuyển tiếp
16	Đường dây 110 kV 2 mạch trạm 220kV Cần Đức - Cần Đức 110kV - Gò Công - TBA 220kV Mỹ Tho	Các xã: Long Chánh, Bình Xuân	0,51	0,51		366,00	Vốn ngành điện	Chuyển tiếp
17	Trạm biến áp 220kV Gò Công và đường dây đấu nối Gò Công Cần Đức	Xã Bình Xuân	5,20	0,20		717,00	Vốn ngành điện	Chuyển tiếp

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến thực hiện (ha)	Trong đó		Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ			
18	Khu đô thị Nguyễn Trọng Hợp	Phường 4	22,70	9,60		1.500,00	Mời gọi đầu tư	Chuyển tiếp
19	Công ty TNHH sản xuất trái cây Hùng Phát	Xã Long Hưng	0,88	0,58		125,00	Vốn doanh nghiệp	Mới
III. Thị xã Cai Lậy (Có 01 công trình, dự án)			4,24	3,12		133,00		
1	Chợ Tân Hội kết hợp khu dân cư	Xã Tân Hội	4,24	3,12		133,00	Mời gọi đầu tư	Chuyển tiếp
IV. Huyện Châu Thành (Có 07 công trình, dự án)			105,62	27,46		2.079,76		
1	Khu dân cư và chợ mới Tân Hiệp	Thị trấn Tân Hiệp, xã Thân Cửu Nghĩa	26,47	8,20		1.215,00	Mời gọi đầu tư	Mới
2	Dự án Hạ tầng cụm công nghiệp Tân Lý Đông	Xã Tân Lý Đông	50,00	9,73		250,00	Mời gọi đầu tư	Chuyển tiếp
3	Trạm biến áp 110kV Châu Thành và đường dây đầu nối	Các xã: Song Thuận, Vĩnh Kim, Long Hưng, Đông Hòa, Nhị Bình	1,80	0,36		30,00	Vốn ngành điện	Chuyển tiếp
4	Trạm biến áp 220kV Cái Bè và các đường dây đầu nối	Các xã: Tân Hương, Tân Lý Tây, Tân Lý Đông	1,16	0,25		11,76	Vốn ngành điện	Chuyển tiếp
5	Khu dân cư nông thôn mới Vĩnh Kim (khu A)	Xã Vĩnh Kim	10,00	2,56		473,00	Mời gọi đầu tư	Mới
6	Mở rộng Công viên nghĩa trang Vạn Phước Viên	Xã Tân Lý Đông	9,41	2,34		100,00	Mời gọi đầu tư	Chuyển tiếp
7	Khu dân cư Thương mại dịch vụ Bắc Kim Thang	Xã Tam Hiệp	6,78	4,02			Vốn doanh nghiệp	Chuyển tiếp
V. Huyện Tân Phước (Có 07 công trình, dự án)			70,77	22,86		1.508,84		
1	Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Minh Hưng	Xã Phước Lập	4,92	4,92		55,10	Vốn doanh nghiệp	Mới
2	Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Phước Lập	Xã Phước Lập	4,79	4,79		49,84	Vốn doanh nghiệp	Mới
3	Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Tân Phước Lập	Xã Phước Lập	4,94	4,94		50,90	Vốn doanh nghiệp	Mới
4	Công trình Trạm biến áp 220kV Cái Bè (Tân Phước và đường dây đầu nối)	Các xã: Tân Hòa Thành, Tân Lập 1	5,50	1,40		689,00	Vốn ngành điện	Chuyển tiếp
5	Công trình Lộ ra 110kV Trạm 220kV Cái Bè (đường dây 4 mạch chuyển tiếp trên đường dây 2 mạch KCN Tân Phước 1 - Trạm 110kV Tân Phước - Phú Cường - Mỹ Hội - Mỹ Thuận)	Các xã: Tân Hòa Thành, Tân Lập 1	0,19	0,18		11,00	Vốn ngành điện	Chuyển tiếp
6	Công trình Lộ ra Trạm 220kV Cái Bè (Đường dây 2 mạch chuyển tiếp vào đường dây Mỹ Tho 2 - Tân Hương - Long An)	Các xã: Tân Hòa Thành, Tân Lập 1	0,43	0,13		82,00	Vốn ngành điện	Chuyển tiếp
7	Cụm Công nghiệp Thạnh Tân	Xã Thạnh Tân	50,00	6,50		571,00	Vốn doanh nghiệp	Chuyển tiếp
VI. Huyện Cai Lậy (Có 03 công trình, dự án)			95,29	10,40		3.199,45		

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến thực hiện (ha)	Trong đó		Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ			
1	Đường kết nối vào/ra giữa Trạm dừng nghỉ và đường Cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	Xã Phú Nhuận	1,00	0,60		44,97	Vốn doanh nghiệp	Chuyển tiếp
2	Khu đô thị mới huyện Cai Lậy phía Đông sông Bình Long	Thị trấn Bình Phú	46,02	5,50		1.460,11	Vốn doanh nghiệp	Chuyển tiếp
3	Khu đô thị mới huyện Cai Lậy phía Tây sông Bình Long	Thị trấn Bình Phú	48,27	4,30		1.694,37	Vốn doanh nghiệp	Chuyển tiếp
VII. Huyện Cái Bè (Có 04 công trình, dự án)			34,56	2,70		1.066,00		
1	Dự án Mở rộng khu dân cư chợ Thiên Hộ (giai đoạn 2)	Xã Hậu Mỹ Bắc A	2,55	1,00		66,00	Mời gọi đầu tư	Chuyển tiếp
2	Khu dân cư và chợ Cái Bè	Thị trấn Cái Bè, xã Hoà Khánh	28,00	0,50		700,00	Mời gọi đầu tư	Chuyển tiếp
3	Cặp đường dẫn cao tốc	Xã Mỹ Hội	0,47	0,20			Vốn BOT	Mới
4	Đường dây 500kV Sông Hậu - Đức Hoà	Các xã: An Hữu, Tân Thanh, An Thái Trung, Mỹ Lợi A, Mỹ Đức Đông, Mỹ Đức Tây, Thiện Trung, Mỹ Tân, Hậu Mỹ Trinh	3,54	1,00		300,00	Vốn ngành điện	Mới
VIII. Huyện Chợ Gạo								
IX. Huyện Gò Công Tây (Có 10 công trình, dự án)			115,54	16,16				
1	Cơ sở giầy da Newsoun	Xã Bình Phú	5,00	5,00			Vốn doanh nghiệp	Mới
2	Nhà máy in các sản phẩm trên vải	Xã Yên Luông	0,95	0,95			Vốn doanh nghiệp	Mới
3	Trung tâm thương mại thị trấn Vĩnh Bình	Thị trấn Vĩnh Bình	2,10	0,50			Vốn doanh nghiệp	Mới
4	Khu thương mại dịch vụ cặp đường tránh	Thị trấn Vĩnh Bình	5,50	5,50			Vốn doanh nghiệp	Mới
5	Hợp tác xã DVNN Hưng Hòa	Xã Long Vĩnh	0,10	0,10			Vốn doanh nghiệp	Mới
6	Đường dây điện 110kV 2 mạch trạm 220kV Cần Đước - Cần Đước 110kV - Gò Công - TBA 220kV Mỹ Tho	Các xã: Bình Phú, Thành Công, Yên Luông, Thạnh Trị, Đồng Thạnh, Bình Nhì, Thạnh Nhựt	1,22	1,22			Vốn doanh nghiệp	Chuyển tiếp
7	Trạm biến áp 110kV Tân Phú Đông và đường dây đầu nối Trạm biến áp 110kV Tân Phú Đông	Các xã: Thành Công, Yên Luông, Bình Tân, Long Bình	0,67	0,07			Vốn doanh nghiệp	Mới



STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến thực hiện (ha)	Trong đó		Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ			
8	Trạm biến áp 220kV Gò Công và đường dây đầu nối						Vốn ngành điện	
9	Khu dân cư Đồng Sơn	Xã Đồng Sơn	30,00	2,24			Vốn doanh nghiệp	Mới
10	Cụm công nghiệp Đồng Sơn	Xã Đồng Sơn	70,00	0,58			Mời gọi đầu tư	Chuyển tiếp
X. Huyện Gò Công Đông (Có 06 công trình, dự án)			33,67	23,21	0,73	1.966,00		
1	Dự án đầu tư của Công ty Thuận Phát	Xã Kiểng Phước	1,20	1,20		10,00	Vốn doanh nghiệp	Mới
2	Khu dân cư ven sông Long Uông	Thị trấn Tân Hòa	10,66	6,70		220,00	Mời gọi đầu tư	Chuyển tiếp
3	Khu dân cư thương mại Tân Tây	Xã Tân Tây	9,91	4,50		115,00	Mời gọi đầu tư	Chuyển tiếp
4	Khu dân cư thương mại Vàm Láng	Thị trấn Vàm Láng	9,95	9,65		120,00	Mời gọi đầu tư	Chuyển tiếp
5	Mương thay thế kênh Mương Cai	Xã Gia Thuận	0,73		0,73	1,00	Vốn doanh nghiệp	Chuyển tiếp
6	Trạm 110kV Soài Rạp và đường dây đầu nối	Các xã: Tân Phước, Tân Tây, Gia Thuận	1,22	1,16		1.500,00	Vốn doanh nghiệp	Chuyển tiếp
XI. Huyện Tân Phú Đông (Có 01 công trình, dự án)			0,59	0,34		130,00		
1	Trạm biến áp 110kV Tân Phú Đông và đường dây đầu nối Trạm biến áp 110kV Tân Phú Đông	Xã Phú Thạnh	0,59	0,34		130,00	AFD (Vốn vay của Pháp)	Chuyển tiếp
66	Tổng số		976,03	224,34	0,73	30.027,75		
150	TỔNG CỘNG		1163,22	296,77	2,79	567.924,13		